

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 8891 /BC-TTCH

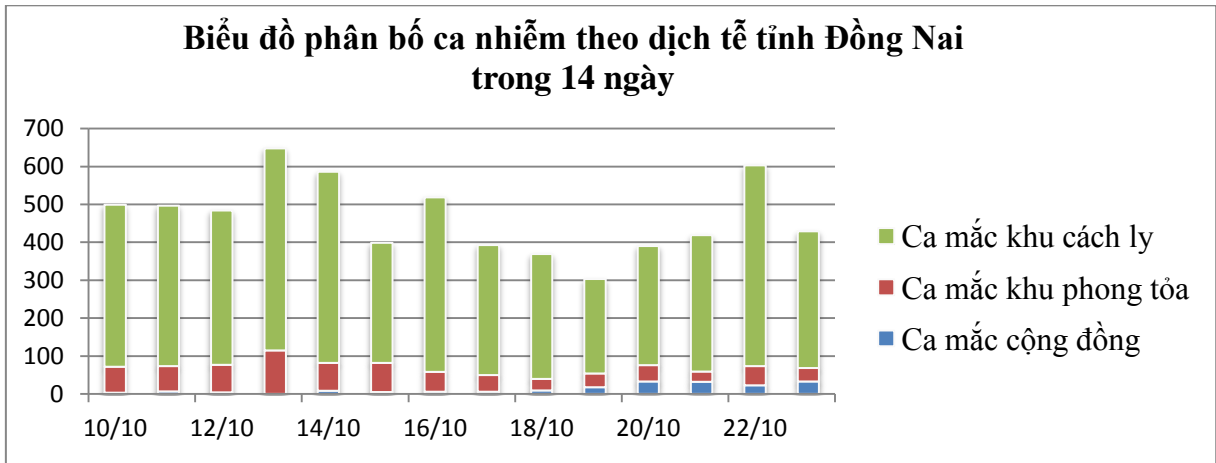
Đồng Nai, ngày 24 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 23/10/2021

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày								Số F1	Số F2	Lũy kế
		Tổng cộng	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong khu CLTT	Số ca trong khu phong tỏa	Sàng lọc cộng đồng						
						Tổng	Trong đó					
							Cộng đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp			
1	Biên Hòa	161	10	139	12	0	0	0	0	56	21	26.520
2	Nhon Trạch	132	0	132	0	0	0	0	0	17	0	15.199
3	Vĩnh Cửu	35	3	25	7	0	0	0	0	163	262	10.387
4	Trảng Bom	61	2	55	4	0	0	0	0	58	19	5.552
5	Long Thành*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.241
6	Thống Nhất	5	4	1	0	0	0	0	0	13	0	642
7	Long Khánh	7	7	0	0	0	0	0	0	27	67	401
8	Xuân Lộc	1	0	1	0	0	0	0	0	0	10	346
9	Định Quán	11	4	4	3	0	0	0	0	0	0	345
10	Cẩm Mỹ	4	3	1	0	0	0	0	0	6	8	311
11	Tân Phú	9	0	3	6	0	0	0	0	0	0	215
12	Ngoại tỉnh	3	0	0	3	0	0	0	0	-	-	376
Tổng số		429	33	361	35	0	0	0	0	340	387	61.535

*Chưa ghi nhận báo cáo của huyện Long Thành



- F0 cộng đồng: trong ngày phát sinh 33 ca (tăng 43,4% so với hôm qua), lũy kế trong 07 ngày là 154 ca (tăng 340% so với 7 ngày trước đó). cụ thể như sau:

- **Biên Hòa:** ghi nhận 10 ca ngụ tại: An Bình (03), Hòa Bình (01), Long Bình (02), Tam Hiệp (01), Tam Hòa (02), Tân Hòa (01), Trảng Dài (01). Trong đó 01 trường hợp đi khám bệnh ở BV Chợ Rẫy – TP HCM về, 01 trường hợp bán nước giải khát tại nhà tiếp xúc nhiều người, 01 trường hợp hàng ngày đưa vợ đi làm tại công ty TNHH Pou Chen, các trường hợp còn lại di chuyển hạn chế, ít tiếp xúc chưa rõ nguồn lây.

- **Cẩm Mỹ:** ghi nhận 03 ca cùng ngụ tại ấp Suối Nhất, xã Xuân Đông. Đang điều tra dịch tễ

- **Định Quán:** ghi nhận 04 ca ngụ tại xã Phú Vinh (01), Suối Nho (03). Trong đó 01 ca đi về từ Biên Hòa, 03 ca liên quan đến ổ dịch trại nấm Xuân Lộc.

- **Long Khánh:** ghi nhận 07 ca cùng ngụ tại phường Bàu Sen. Trong đó 01 ca tiếp xúc với F0 tại BVĐKKV Long Khánh, 06 ca nguồn lây từ công ty TNHH Pou Sung KCN Bàu Xéo – Trảng Bom (trong đó 01 ca là công nhân công ty và 05 ca chuỗi lây nhiễm vòng 1 tại địa phương).

- **Thống Nhất:** ghi nhận 04 ca ngụ tại Gia Tân 2 (02), Bàu Hàm 2 (01), Quang Trung (01). Vòng lây nhiễm thứ phát từ công ty TNHH Pou Sung.

- **Trảng Bom:** ghi nhận 02 ca ngụ tại TT Trảng Bom. Đang điều tra dịch tễ.

- **Vĩnh Cửu:** ghi nhận 03 ca ngụ tại Bình Lợi (01), Mã Đà (01), Thạnh Phú (01). Đang điều tra dịch tễ

Các trường hợp đã được phong tỏa, truy vết, xử lý ổ dịch theo quy định.

Nhận xét: Số ca nhiễm tại cộng đồng tăng 43,4% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 340% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất có xu hướng tăng.

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	184	5.582	31.330	36.912
Cách ly tại nhà	466	20.296	59.295	79.591
Theo dõi sức khỏe	220	11.231	22.433	33.664

Trong đó :

- **F1** : Đang theo dõi: 5.582; Lũy kế: 24.641
- **F2**: Đang theo dõi: 5.814; Lũy kế: 33.434
- **Khác** (người về từ vùng dịch, nhập cảnh): Đang theo dõi: 816; Lũy kế: 11.846

2. Điều trị**1.1. Tình hình điều trị**

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch/Đang điều trị
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	429	9.599	334	51.436	02	532	34
Tỉ lệ		15,59%		83,54%		0,86%	0,35%

- Các ca đang điều trị: ECMO 02 ca (0,02%), thở máy xâm lấn 32 ca (0,32%), CPAP 06 ca (0,06%), HFNC 23 ca (0,24%), thở oxy 176 ca (1,83%), có triệu chứng 1.301 ca (13,55%), không triệu chứng 8.059 ca (83,96%).

2.1. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	402	131	271
Tầng 2	9.529	4.036	5.493
Tầng 1	9.780	4.103	5.677

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19

STT	Địa phương	Số lượng tiêm trong ngày	Đã tiêm (Dữ liệu cập nhật trên hệ thống tiêm chủng MCC)			Tỉ lệ bao phủ (%)		Số vắc xin còn lại
			Mũi 1	Mũi 2	Tổng	Mũi 1	Mũi 2	
A	Tỉnh Đồng Nai	41.589	2.610.135	1.274.441	3.884.576	104,07%	50,81%	-
1	Biên Hòa	11.211	917.236	517.645	1.434.881	105,59%	59,59%	
2	Long Khánh	-	130.724	59.071	189.795	107,31%	48,49%	
3	Xuân Lộc	2.888	189.156	50.376	239.532	113,92%	30,34%	
4	Tân Phú	3.678	110.932	21.976	132.908	82,59%	16,36%	
5	Cẩm Mỹ	908	97.003	32.570	129.573	94,84%	31,84%	
6	Trảng Bom	1.887	273.791	133.388	407.179	96,68%	47,10%	
7	Định Quán	809	141.637	37.769	179.406	93,93%	25,05%	
8	Vĩnh Cửu	3.696	140.805	94.594	235.399	116,22%	78,08%	
9	Long Thành	4.704	233.040	104.669	337.709	121,97%	54,78%	
10	Thống Nhất	2.924	114.648	57.944	172.592	87,99%	44,47%	
11	Nhơn Trạch	8.884	261.163	164.439	425.602	109,51%	68,95%	

***Ghi chú:** Tỷ lệ độ bao phủ được tính dựa trên số liệu dân cư do các huyện/thành phố thống kê thực tế. Hiện tính trên tổng số đối tượng từ 18 tuổi trở lên là 2.508.100 người.

- Số lượng tiêm và tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 đến 17 tuổi : chưa triển khai

- Số lượng tiêm và tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 2.596.792 liều, 104,07%.

+ Mũi 2: 1.213.145 liều, 50,81%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên (Cập nhật đến ngày 21/10): 49,36%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên (Cập nhật đến ngày 21/10): 43,53%.

5. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	264	19	1.430.335	5.719
RT-PCR mẫu đơn	5.470	1.428	1.780.201	149.334
RT-PCR mẫu gộp	750	31	324.848	21.793
Lượt người thực hiện PCR	9.061	1.428	3.402.325	149.334

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 18 mẫu

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 31 mẫu

6. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 89 TYT lưu động. Trong đó: Biên Hòa (30), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (13), Thống Nhất (02).

Trong đó các địa phương có mức độ nguy cơ cấp 3 chưa triển khai Trạm Y tế lưu động: Phú Lâm, Phú Trung – Tân Phú.

- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ

7. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày số ca nhiễm tại cộng đồng tăng 43,4% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 340% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất có xu hướng tăng. Các ổ dịch đã được xử lý, truy vết, cách ly theo quy định.

- Số ca mắc trong khu phong tỏa giảm sâu chỉ còn 35 ca rải rác các huyện/thành phố.
- Số lượng tiêm và tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:
 - + Mũi 1: 2.596.792 liều, 104,07%.
 - + Mũi 2: 1.213.145 liều, 50,81%.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kì đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.
- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.
- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.
- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

III. Công tác an sinh xã hội

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trong ngày:

	Trong ngày	Lũy kế
Đã phê duyệt		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	8.964 đơn vị
2. Người lao động	8.994 người	871.420 người
3. Hộ kinh doanh	0 hộ	10.110 hộ
Đã chi trả		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	8.964 đơn vị
2. Người lao động	8.176 người	788.134 người
3. Hộ kinh doanh	0 hộ	9.530 hộ

TT	Địa phương	Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)	Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	TP. Biên Hòa	295.759/345.802	483,14/570,62	85,53
2	Cẩm Mỹ	13.552/15.330	20,44/23,16	88,40
3	Định Quán	23.759/23.978	36,87/37,20	99,09
4	TP. Long Khánh	36.312/43.176	55,61/70,17	84,10
5	Long Thành	40.311/47.118	63,31/73,49	85,55
6	Nhơn Trạch	93.749/104.450	139,18/163,24	89,75
7	Tân Phú	24.210/26.528	36,56/40,04	91,26
8	Trảng Bom	109.073/110.903	185,54/188,34	98,35
9	Thống Nhất	23.402/23.489	35,16/35,25	99,63
10	Xuân Lộc	38.800/40.493	59,67/62,21	95,82
11	Vĩnh Cửu	67.711/67.740	198,57/198,61	99,96
	Tổng cộng	766.638/849.007	1.423,46/1.462,33	90,30

Lưu ý: bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp và Hộ kinh doanh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT

(Cập nhật đến ngày 21/10/2021 tại Báo cáo số 689/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai và Thông báo số 8883/TB-SYT ngày 22/10/2021 của Sở Y tế)

	Huyện, thành phố	Xã, phường	Khu, ấp
Cấp 1 (Bình thường mới)	09	125	-
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	02	42	-
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	03	-
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	00	-
Tỉnh Đồng Nai : Cấp 2			

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)			Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	> = 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận				
							Số Ca	Đã tiêm VX 1 mũi	Đã tiêm VX 2 mũi		Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình						Nhẹ và Không triệu chứng			
															Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn											
TẦNG 3																											
1	BVĐN/ HSTC	40	40	2	0	0	1			24		166		2		17	5										16
2	BVTN/TTHSTC	400	200	3	3	1	4	0	0	67	222	241	80	13	6	17	14	17		2	2	24	43			133	
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	1	0	0	0			21	58	38	43	3	0	0	18			0	1	6	15			19	
4	BVĐKKVLT	100	100	3	0	0	0	0	0	17	78	35	10	0	0	0	17	0	0	0	0	0	5	12			83
5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Đồng Nai 2	10	1	0	0	0	0	0	0	2	149	0	399	1	0	0	1	2	0	1	0	0	1	8			8

Tổng cộng (tầng 3)		730	402	9	3	1	5	0	0	131	508	481	532	19	6	34	55	19	0	3	3	35	71	270
TẦNG 2																								
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	13	10	0	0	0	0	137	0	2	1528	1	0	0	0	27	110	3	24	4	15	150
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	20	85	0	0			240	98	0	1680	0	0	0	1	85	170	9	75	156	8	100
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	27	25	0	0	0	0	374	80	0	2671	0	0	0	0	12	362	14	72	301	72	126
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	5	62	0	0	0	0	227	68	0	2059	0	0	0	2	10	215	2	58	2	4	118
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	21	15	0	0	0	0	105	45	0	1407	0	0	0	4	3	102	0	15	9	14	95
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	48	77	0	0	0	0	472	113	0	5443	0	0	0	8	37	427	6	109	5	34	538
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	92	61	2	0	0	0	395	151	1	4340	0	0	0	8	40	347	8	76	7	30	305
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	69		0	0			387	45	0	2340	0	0	0	11	169	207	4	143	232	12	248
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	49	54	0	0	0	0	452	26	0	2380	0	0	0	2	2	452	4	92	1	28	210
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	78	48	0	0	0	0	646	88	0	3315	0	0	0	16	37	593	4	182	20	24	161
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2950	0	0	0	0	0	0	201	11	0	409	0	0	0	0	102	99	3	54	2	5	100
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	22	1	0	0	0	0	57	0	0	674	0	0	0	0	39	18	0	5	0	5	0
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	5	3	2	0	0	0	44	127	14	344	2	0	0	27	37	5	1	0	12	38	30
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	14	7	3	0	0	0	83	80	0	526	0	0	0	0	31	51	1	44	0	1	0
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	0	0	0	0	0	31	0	0	196	0	0	0	1	26	4	0	1	2	28	119
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	1	0	0	0	0	0	12	13	0	23	0	0	0	4	5	7	0	0	5	10	18
17	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
18	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	77	2	6	2	0	0	0	77	149	0	399	0	0	0	1	15	62	0	10	3	12	0
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	0	6	0				23	159	0	257	1	0	0	1	5	16	0	0	0		
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	1	3	0	0	0	0	57	27	1	206	0	0	0	0	25	32	1	5	0	1	8
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	0	0	0	0	0	0	13	19	0	61	0	0	0	3	6	7	0	0	5	3	4
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200	1						3			315					1	2					
23	Bệnh viện dã chiến CA tỉnh																							
Tổng cộng (tầng 2)		10527	9529	468	463	9	0	0	0	4036	1299	23	30573	4	0	0	89	714	3288	60	965	766	344	2330

TẦNG 1																								
1	Biên Hòa	4179	3003	114	143	4	0	0	0	1658	1196	13	8839	0	0	0	12	210	1488	7	388	184	2	1309
2	Long Khánh	400	310	7	1	7	0	0	0	34	61	0	96	0	0	0	0	5	39	0	4	0	0	
3	Vĩnh Cửu	927	897	44	50	0	0	0	0	262	1445	3	6787	0	0	0	0	36	226	2	53	71	25	585
4	Định Quán	100	89	3	0	8	0	0	0	56	74	0	86	0	0	0	0	0	54	1	7	2	4	33
5	Tân Phú	60	60	9	8	0	0	0	0	34	85	0	36	0	0	0	0	0	34	0	9	20	5	26
6	Trảng Bom	1328	961	75	82	41	0	0	0	595	1723	2	3894	0	0	0	0	17	578	6	123	477	4	614
7	Thống Nhất																							
8	Xuân Lộc																							
9	Cẩm Mỹ	500	200	2	2	0	0	0	0	71	12	0	63	0	0	0	0	0	71	2	18	0	2	121
10	Long Thành	250	250	28	6	0	0	0	0	203	41	0	953	0	0	0	0	0	203	2	50	6	48	47
11	Nhon Trạch	4230	4010	74	101	52	0	0	0	1190	0	15	4755	0	0	0	20	300	870	13	249	25	916	2820
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		11974	9780	356	393	112	0	0	0	4103	4637	33	25509	0	0	0	32	568	3563	33	901	785	1006	5677
TỔNG TẦNG (3+2+1)		23231	19711	833	859	122	5	0	0	8270	6444	537	56614	23	6	34	176	1301	6851	96	1869	1586	1421	8277

Phụ lục 3: Khu cách ly tập trung

TT	Địa phương	Các điểm cách ly tập trung đang hoạt động	Năng lực theo Quyết định (giường)	Năng lực thực tế (giường)	Trong ngày		Hiện có (người)	Tổng số hoàn thành cách ly	Còn trống (giường)	Trường hợp cách ly được 12 ngày	Trường hợp cách ly được 13 ngày	Trường hợp cách ly được 14 ngày
					Số mới vào cách ly	Số hoàn thành cách ly						
1	Biên Hòa	94	12,294	11,837	164	167	2,412	22,420	9,425	65	145	240
2	Long Khánh	1	150	150	1	0	18	282	132	0	0	3
3	Vĩnh Cửu	9	1,421	1,421	9	41	443	13,822	978	26	28	23
4	Định Quán	2	200	200			97	1,093	103	8	2	17
5	Tân Phú	2	200	200	13	29	73	336	127	0	0	0
6	Trảng Bom	3	430	439	0	0	53	1,120	386	0	4	2
7	Thống Nhất	6	386	386	48	0	168	1,080	218	0	0	0
8	Xuân Lộc	1	300	300	0	13	68	1,337	432	0	0	1
9	Cẩm Mỹ	5	830	510	2	13	120	1,419	358	5	5	0
10	Long Thành	1	600	600	0	49	46	604	554	52	4	6
11	Nhơn Trạch	27	3,495	3,423	16	61	765	8,942	2,856	0	0	52
Tổng		151	20,306	19,466	253	373	4,263	52,455	15,569	156	188	344